TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 187/2022/HNGĐ-ST Ngày 26-9-2022 V/v Ly hôn, nuôi con chung giữa chị B và anh Ph”	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đê.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Sinh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ninh Thị B, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm 1, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Lê Văn Ph, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 1, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Chị B xin vắng mặt, anh Ph vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 9 năm 2021 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Ninh Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ninh Thị B và anh Lê Văn Ph đăng ký kết hôn ngày 14/11/2006 tại UBND xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn chị B và anh Ph chung sống tại Xóm NĐ (nay là xóm 1), xã HT. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyễn nhân do anh Ph chơi bời dẫn đến phải bán hết tài

sản, nhà cửa để trả nợ. Chị B đã nhiều lần khuyên giải để anh Ph tu chí làm ăn đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng anh Ph không thay đổi. Do không thể tiếp tục chung sống với anh Ph được nên chị B đã phải về nhà bố mẹ đẻ để ở từ tháng 02 năm 2021 và vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm với nhau từ đó đến nay. Xét thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh Ph nên chị B xin được ly hôn anh Ph.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Văn Ph1, sinh ngày 20/8/2007; Lê Ngọc S, sinh ngày 17/02/2010 và Lê Thị Phương T sinh ngày 09/9/2019. Hiện 03 con đang ở cùng chị B. Khi ly hôn chị B đề nghị được tiếp tục nuôi các con chung và không yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi con cho chị B.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Chị B và anh Ph không có tài sản chung, không vay mượn ai hay cho ai vay mượn tài sản gì nên không đề nghị Toà án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã nhiều lần thông báo cho anh Ph đến nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Ph không đến Tòa án làm việc. Do không thể tống đạt trực tiếp cho anh Ph nên thông qua người thân của anh Ph, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho người thân của anh Ph nhận thay, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Nhưng anh Ph không đến Tòa làm việc cũng như không nộp, gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và các tài liệu, chứng cứ có liên quan. Tại phiên Tòa anh Ph vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê thị B có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh Lê Văn Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị B và anh Ph theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ninh Thị B và anh Lê Văn Ph kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định ngày 14-11-2006. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh Ph là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 xảy ra mâu thuẫn, hai người sống ly thân từ tháng 02-2021 đến nay. Do xét thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh Ph nên chị B xin ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị B với anh Ph, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 và đến tháng 02-2021 thì sống ly thân từ đó đến nay nhưng cả chị B và anh Ph đều không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của hai người tiếp tục tồn tại. Mặt khác, anh Ph đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng đến nay anh Ph không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án và cũng không có mặt tại các buổi làm việc của Tòa án cũng như phiên toà xét xử, đã chứng tỏ anh Ph không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị B. Chị B vẫn giữ ý kiến xin ly hôn anh Ph và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, cho chị Ninh Thị B được ly hôn anh Lê Văn Ph là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị B và anh Ph có 03 con chung là Lê Văn Ph1, sinh ngày 20/8/2007; Lê Ngọc S sinh ngày 17/02/2010 và Lê Thị Phương T sinh ngày 09/9/2019, hiện các con đang ở cùng chị B. Khi ly hôn, chị B đề nghị được nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi con. Đến nay anh Ph cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung nên cần chấp nhận đề nghị của chị B; giao 03 con chung cho chị B nuôi dưỡng, anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị B là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Chị Ninh Thị B trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản nên không đề nghị Toà án giải quyết, anh Lê Văn Ph cũng không có ý kiến về tài sản cũng như nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ninh Thị B phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ninh Thị B và anh Lê Văn Ph.

2. Về nuôi con chung: Giao chị Ninh Thị B nuôi dưỡng 03 con chung là là Lê Văn Ph1, sinh ngày 20/8/2007; Lê Ngọc S, sinh ngày 17/02/2010 và Lê Thị Phương T sinh ngày 09/9/2019. Anh Lê Văn Ph không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị B. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung. (03 con chung hiện đang ở cùng chị B)

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Ninh Thị B phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0006224 ngày 27-6-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Cấp cho đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã HT;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Văn Ái